TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Te

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thành Trung

Ngày 21/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-DS, ngày 18/4/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST-DS ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 06/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: anh Hồ Minh Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: số 153A1, ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Anh Hồ Minh Q uỷ quyền tham gia tố tụng cho chị Lê Thiên N, sinh năm 1998

Địa chỉ liên hệ: số 93B, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn**: chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1996

Địa chỉ: số 717, tổ 14, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; chị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Hồ Minh Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thiên N trình bày:

Năm 2020 anh Hồ Minh Q có cho chị Võ Thị Mỹ H mượn số tiền tổng cộng là 91.000.000 đồng để làm ăn. Do tin tưởng nên anh Q cho chị H mượn tiền dưới hình thức: một lần đưa tiền mặt 5.000.000 đồng (không có làm giấy tờ) và 4 lần chuyển khoản đến tài khoản thuộc Ngân hàng Vietcombank với số tài khoản là

0181003463863 và Ngân hàng Vietinbank với số tài khoản là 108872091562, chủ tài khoản là chị Võ Thị Mỹ H. Cụ thể 4 lần chuyển khoản như sau:

Lần 1: ngày 11/02/2020 chuyển 40.053.947 đồng

Lần 2: ngày 22/5/2020 chuyển 20.012.254 đồng

Lần 3: ngày 27/7/2020 chuyển 16.128.420 đồng

Lần 4: ngày 11/3/2021 chuyển 10.002.343 đồng

Hai bên thỏa thuận việc vay mượn không có tính lãi và trong thời hạn 1 năm chị H sẽ trả hết số tiền trên cho anh Q (thỏa thuận miệng). Tuy nhiên, đến nay chị H nhiều lần diện cớ và cố tình trì hoãn việc trả nợ cho anh Q.

Nay anh Hồ Minh Q yêu cầu chị Võ Thị Mỹ H trả cho anh Q số tiền 91.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ 11/3/2022 đến 23/3/2023 là 9.063.600 đồng (lãi suất 0,83%/tháng), tổng cộng 100.063.600 đồng.

Ngày 31/5/2023, anh Hồ Minh Q có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 5.000.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn chị Võ Thị Mỹ H đến để tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Minh Q là chị Lê Thiên N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Q yêu cầu chị H trả cho anh Q số tiền gốc 86.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2023 là 10.944.933 đồng (lãi suất 0,83%/tháng), tổng cộng 96.944.933 đồng.

Bị đơn chị Võ Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Hồ Minh Q khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị Mỹ H trả cho anh Q số tiền nợ vay là 86.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn chị Võ Thị Mỹ H có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Minh Q là chị Lê Thiên N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

- Bị đơn chị Võ Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với số nợ gốc:

Anh Hồ Minh Q khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị Mỹ H trả cho anh Q số tiền nợ vay là 86.000.000 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là 4 giấy chứng nhận chuyển tiền ngày 11/02/2020, 22/5/2020, 11/3/2021, 27/02/2020 đã được dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

Căn cứ vào các giấy chứng nhận chuyển tiền nhận thấy anh Hồ Minh Q có chuyển khoản cho chị Võ Thị Mỹ H 4 lần tiền, cụ thể:

Ngày 11/02/2020 chuyển khoản 40.053.947 đồng

Ngày 27/02/2020 chuyển khoản 16.128.420 đồng

Ngày 22/5/2020 chuyển khoản 20.012.254 đồng

Ngày 11/3/2021 chuyển khoản 10.002.343 đồng

Tổng cộng là 86.196.964 đồng

Nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận việc vay mượn không có tính lãi và có thỏa thuận miệng trong thời hạn 1 năm chị H sẽ trả hết nợ cho anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho chị H biết về việc anh Q khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền đã vay. Tuy nhiên, chị H không đến Tòa án làm việc và cũng không có gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà anh Q đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định giữa anh Hồ Minh Q và chị Võ Thị Mỹ H có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền là 86.000.000 đồng; đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét thấy việc chị H chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q nên việc anh Q khởi kiện yêu cầu chị H trả nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi:

Anh Hồ Minh Q yêu cầu tính lãi của số tiền 86.000.000 đồng từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 10.944.933 đồng.

Xét thấy: mặc dù hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay không có lãi. Tuy nhiên, tại Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Do đó, yêu cầu tính lãi của anh Q là có cơ sở để xem xét.

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn 1 năm. Lần cuối cùng anh Q chuyển tiền cho chị H là vào ngày 11/3/2021 nên việc anh Q yêu cầu tính lãi từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp. Như vậy số tiền lãi chị H phải trả cho anh Q được tính như sau:

86.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 10 ngày = 10.944.933 đồng

[2.3] Đối với số nợ gốc 5.000.000 đồng: xét thấy ngày 31/5/2023, anh Hồ Minh Q có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần xem xét đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của anh Q.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Minh Q được chấp nhận nên chị Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là:

96.944.933 đồng x 5% = 4.847.246 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Minh Q đối với bị đơn chị Võ Thị Mỹ H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc chị Võ Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho anh Hồ Minh Q số tiền gốc là 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/3/2022 đến

ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2023 là 10.944.933 đồng (mười triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc (86.000.000 đồng) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Minh Q về việc yêu cầu chị Võ Thị Mỹ H trả số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

4. Về án phí:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho anh Hồ Minh Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.501.000 (hai triệu năm trăm lẻ một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003324 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Chị Võ Thị Mỹ H phải chịu 4.847.246 đồng (bốn triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương